

Bản án số: 57/2020/HC-PT

Ngày: 18-5-2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về
việc giải quyết khiếu nại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Tấn Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 81/2020/TLPT-HC ngày 03/01/2020, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo;

Giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Cao Đức C; địa chỉ: thôn X 1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

*** *Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Trọng B, chức vụ: Công chức Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Lê Nhật D; địa chỉ: xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Lê Thị Ngọc N; địa chỉ: thôn Đ 1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N: Ông Trần Đức Q; địa chỉ: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền ngày 10/7/2019).

- Ủy ban nhân dân xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

*** Người làm chứng:**

- Ông Phạm M; địa chỉ: xã X, thị xã N, Khánh Hòa.

- Ông Từ Hoài D; địa chỉ: xã X, thị xã N, Khánh Hòa.

Người kháng cáo: Ông Cao Đức C - Người khởi kiện

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/3/2019 cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Cao Đức C trình bày:*

Ngày 05/02/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã N ban hành quyết định số 134/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông với ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N, nội dung quyết định: bác đơn tranh chấp của ông Cao Đức C với lý do ông C không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất, không trực tiếp sử dụng đất, vì các thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199 tờ bản đồ số 52 do ông Lê Nhật D đang trực tiếp sử dụng và thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72 nay là thửa 218 tờ bản đồ số 52 do bà Lê Thị Ngọc N đang trực tiếp sử dụng.

Không đồng ý với quyết định trên của UBND thị xã N ông C đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa. Ngày 18 tháng 01 năm 2016 Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 130/QĐ- UBND (viết tắt là Quyết định 130) về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông C với ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N, có nội dung: Bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 04/3/2015 của ông C vì ông C không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất của các thửa đất ông đang tranh chấp.

Ông C cho rằng, về nguồn gốc 8 thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199 tờ bản đồ số 52 có tổng diện tích 3.096m² tại khu vực H, thôn T, xã X, thị xã N, Khánh Hòa là do gia đình ông khai hoang từ năm 1994, đến năm 2003 do ông bị tai nạn nên không trực tiếp quản lý sử dụng tám thửa đất trên, có những nhân chứng đã khẳng định về nguồn gốc đất cho ông, Quyết định 130 ban hành cho rằng ông không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất của các thửa đất tranh chấp với ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N là không đúng nguyên tắc về đất khai hoang.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết:

- Huỷ toàn bộ Quyết định 130/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông với ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N.

** Tại văn bản số 5646/UBND-NC ngày 13/6/2019 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và quá trình tố tụng: người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:*

Về vị trí, nguồn gốc đất và diễn biến quá trình sử dụng đất:

Đối với phần đất tranh chấp với ông Lê Nhật D:

Theo lời trình bày của ông Cao Đức C thì phần đất 3.096m² hiện ông Lê Nhật D đang sử dụng mà ông C có đơn tranh chấp là của cha, mẹ vợ của ông C là ông Trần Văn N và bà Ngô Thị Q cho vào năm 1994; ông C tiến hành khai hoang và sử dụng đến năm 2002 - 2003 thì ông C bị tai nạn, đến năm 2006 ông C mới lên lại rẫy thì thấy đất đã bị gia đình ông Lê N lấn chiếm, hiện nay ông Lê Nhật D (con ông N) sử dụng.

Về giấy tờ chứng minh: Ông C không cung cấp được bất kỳ giấy tờ nào có liên quan đến phần đất tranh chấp với ông Lê Nhật D.

Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã mời ông Lê Nhật D nhiều lần nhưng ông D không đến làm việc theo giấy mời.

Theo báo cáo của UBND xã X: Qua xác minh thì nguyên vùng đất này trước đây là đất hoang hóa, các hộ dân chưa sử dụng vì tính chất đất xấu, sỏi đá, cây bụi thưa, người sử dụng đất thường canh tác sản xuất theo tính da beo, không nguyên vùng, nguyên thửa. Tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1994 thì không thể hiện cụ thể số thửa, diện tích, loại đất cũng như người sử dụng. Theo hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì diện tích đất này không có hộ gia đình, cá nhân nào kê khai đăng ký. Sau khi có bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2011 thì diện tích đất nêu trên được kê khai đăng ký mang tên ông Lê N (thôn Đ 1, xã N), chỉ mới kê khai đăng ký giao nhận diện tích và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các thửa: 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199, với tổng diện tích: 3.096m², loại đất LUK (lúa một vụ), tờ bản đồ số 52 xã X đo đạc năm 2011.

Hiện trạng trên đất: Hiện nay là đất trống có tứ cận: phía đông giáp đường đi, phía tây giáp hàng keo, bạch đàn và đất ông C cho ông Phạm C thuê trồng mía, phía nam giáp đất trồng mía của ông Lê Nhật D, phía bắc giáp đường đất.

Đối với phần đất tranh chấp với bà Lê Thị Ngọc N:

Theo lời trình bày của ông Cao Đức C: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính năm 1994, diện tích 22.672m², loại đất Hg, có nguồn gốc của cha, mẹ

vợ ông C là ông Trần Văn N và bà Ngô Thị Q cho ông C vào năm 2002; năm 2003 thì ông C bị tai nạn; đến năm 2006 ông C mới lên lại rẫy thì thấy đất đã bị gia đình ông Lê N lấn chiếm một phần hai diện tích, hiện nay bà Lê Thị Ngọc N (con ông N) sử dụng.

Về giấy tờ chứng minh: Ông C không cung cấp được bất kỳ giấy tờ nào có liên quan đến phần đất tranh chấp với bà N. Tại thời điểm làm việc với ông C vào ngày 05/5/2015, ông C cung cấp Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của ông C để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới đường tỉnh lộ 5, huyện N (có đính kèm 04 hồ sơ kỹ thuật của thửa đất bị thu hồi).

Thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường đã mời bà Lê Thị Ngọc N nhiều lần nhưng bà N không đến làm việc theo giấy mời.

Theo báo cáo của UBND xã X: Thửa đất đang tranh chấp theo bản đồ địa chính năm 1994 là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 72, diện tích 22.672m², loại đất Hg do ông Lê Nhật D kê khai tại sổ dã ngoại xã X; trên thực tế thì ông D không quản lý cũng như sản xuất. Hiện nay là thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52 xã X đo đạc năm 2011 với diện tích 17.848m² do bà Lê Thị Ngọc N (em của ông Lê Nhật D) kê khai, sử dụng, về nguồn gốc: Do vợ chồng bà N khai hoang thêm, liền kề đất đang sản xuất của gia đình nhưng do tính chất đất xấu lẫn nhiều đá chưa thể sản xuất nông nghiệp được nên để hoang, mục đích là để sau này sử dụng vào việc xây dựng lán trại ở, chăm sóc hoa màu.

Về hiện trạng: trên đất bà N trồng mía gốc 3; có tứ cận: phía đông giáp đất trồng mía của bà Lê Thị Ngọc M, phía tây giáp đường đất, phía nam giáp đất trồng mía của ông Lê Nhật T, phía bắc giáp đất ông Phạm C thuê của ông C trồng mía (nay là thửa số 212, tờ bản đồ số 52 bản đồ địa chính xã X).

Qua thu thập Biên bản làm việc của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N thì những người có đất tại khu vực cho biết như sau: Phần đất ông Cao Đức C tranh chấp với ông Lê Nhật D là do ông Lê N khai hoang sản xuất, làm ruộng và sau này mới trồng ớt, không thấy ông Cao Đức C sản xuất tại đây.

Phần đất ông C tranh chấp với bà N là do gia đình ông Lê N (cả gia đình) khai hoang trồng mía từ lâu.

Vào khoảng năm 2009 thấy ông C có đến trồng keo trên phần đất của ông Trần Văn N và bà Ngô Thị Q là cha, mẹ vợ của ông C đã làm trước đây và một phần đất phía nam đường tỉnh lộ 5 (một phần thửa đất số 11). Sau đó khoảng chừng 02 năm sau thì phá keo và cho ông Phạm C, trú tại thôn T, xã X thuê trồng mía.

Việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Cao Đức C: Vụ

việc tranh chấp đất giữa ông C với ông D, bà N đã được UBND xã X tổ chức hòa giải nhưng không thành. Sau khi nhận được thông báo hòa giải không thành của UBND xã X thì ngày 06/8/2014, ông C có đơn tranh chấp đất gửi đến Chủ tịch UBND thị xã N về việc đề nghị giải quyết buộc ông Lê Nhật D trả lại diện tích đất 3.096m² thuộc các thửa 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199, tờ bản đồ số 52 và bà N trả lại một phần hai diện tích thửa đất số 11, tờ bản đồ số 72, bản đồ địa chính xã X.

Ngày 05/02/2015, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Cao Đức C với ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N, với nội dung: Bác đơn tranh chấp đất đề ngày 06/8/2014 của ông Cao Đức C với lý do: Ông C không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất, không trực tiếp sử dụng đất, vì các thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199, tờ bản đồ số 52 do ông Lê Nhật D đang trực tiếp sử dụng và thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72 nay là thửa 218, tờ bản đồ số 52 do bà Lê Thị Ngọc N đang trực tiếp sử dụng. Ông C không đồng ý với Quyết định trên và có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Kết quả xác minh nội dung đơn tranh chấp đất của ông Cao Đức C: Đối soát bản đồ qua các thời kỳ và thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình xác minh nội dung tranh chấp, kết quả làm việc với cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan nhận thấy:

Đối với bên tranh chấp: ông C không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất tại các thửa đất tranh chấp với ông D, bà N. Tại thời điểm làm việc với ông C vào ngày 05/5/2015 ông C có cung cấp Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của ông C để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới đường tỉnh lộ 5, huyện N (có đính kèm 04 hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi). Qua kiểm tra theo hệ tọa độ VN 2000 thì ranh giới sử dụng, tổng diện tích đất ông Cao Đức C sử dụng tại thời điểm năm 2008 không liên quan đến các thửa đất đang tranh chấp với ông D và bà N. Ranh giới các thửa đất tại Quyết định này phù hợp với ranh giới hiện nay ông C đang quản lý sử dụng.

Do đó việc ông C có đơn tranh chấp đất với ông D và bà N yêu cầu trả lại cho ông diện tích 3.096m² thuộc các thửa 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52, có diện tích 17.848,7m² bản đồ địa chính xã X (bản đồ mới gồm 01 phần thửa đất số 11 và 01 phần thửa số 10 cũ) là không có cơ sở.

Đối với bên bị tranh chấp: Ông D, bà N tuy không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất, nhưng trong sổ dã ngoại thể hiện thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72

có tên ông Lê Nhật D và ông D là người trực tiếp sử dụng các thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199; bà N là người trực tiếp sử dụng một phần thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52 bản đồ địa chính xã X là phù hợp với lời trình bày của các nhân chứng.

Trên cơ sở báo cáo, tham mưu của Sở Tài nguyên và Môi trường, ngày 18/01/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định 130 về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông C với ông D và bà N, với nội dung: Bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông C, vì không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang tranh chấp nêu trên. Công nhận Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Với những căn cứ và hồ sơ tài liệu nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đức C.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Nhật D trình bày:*

Diện tích 3.096m² tại tám thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199 ông nhận sang nhượng từ ông Trần Sử vào năm 1995, đất này ông đang sử dụng là hợp pháp và đã được UBND thị xã N giải quyết tranh chấp tại Quyết định số 134 ngày 05/02/2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đức C thì ông không đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác đơn khởi kiện của ông C.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc N trình bày:*

Diện tích 2000m² tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52 xã X thì bà là người trực tiếp sử dụng và canh tác từ năm 1992 và đã được UBND thị xã N giải quyết tranh chấp tại Quyết định số 134 ngày 05/02/2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đức C thì bà không đồng ý đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác đơn khởi kiện của ông C.

** Tại văn bản số 502/UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã X trình bày:*

Thông nhất các nội dung đã giải quyết cho ông Cao Đức C trước đây và đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan cho ông Cao Đức C, UBND xã X không có ý kiến gì thêm.

** Tại bản tự khai ngày 08/7/2019 những người làm chứng ông Từ Hoài D và ông Phạm M phía người khởi kiện cùng trình bày:*

Các ông biết rõ nguồn gốc đất khai hoang diện tích 3.096m² của 08 thửa đất lập sơ đồ năm 2011 tại khu vực H, thôn T, xã X, thị xã N thuộc gia đình vợ của ông C là ông Trần Văn N và bà Ngô Thị Q khai hoang từ năm 1994 và giao lại cho ông

C toàn quyền sử dụng có làm giấy tay năm 2001 là hoàn toàn đúng sự thật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

“Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đức C; địa chỉ: thôn X 1, xã N, thị xã N, Khánh Hòa về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Cao Đức C với ông Lê Nhật D và bà Lê Thị Ngọc N.”

Ngày 29/10/2019, ông Cao Đức C nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Cao Đức C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xử theo luật định, trong đơn có nội dung trình bày: Quyết định số 130 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa viện dẫn rằng hai khu đất tại Hang Rùa T, X, diện tích 8 thửa: 3.096m² và 01 phần thửa 11, diện tích 2.000m² (5.096m²), hộ Lê Thị Ngọc N và Lê Nhật D, tuy không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, nhưng trong sổ dã ngoại có tên Lê Nhật D, đây là sự nhầm lẫn, sổ dã ngoại xã lập năm 1979-1982 Lê Nhật D lúc đó mới 11 tuổi. Việc sử dụng đất hộ gia đình ông Dũng chiếm dụng từ đó là sai. Loại đất tranh chấp là đất khai hoang dỡ hóa, xét thấy hai bên không chứng minh giấy tờ nguồn gốc đất khai hoang lúc nào. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Sổ dã ngoại là tài liệu do Ủy ban nhân dân xã lập để thu thập các thông tin về đất đai tại địa phương, phục vụ công tác quản lý đất đai. Ông D, bà N tuy không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất, nhưng trong sổ dã ngoại thể hiện thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72 có tên ông Lê Nhật D, ông D là người trực tiếp sử dụng các thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199; bà N là người trực tiếp sử dụng một phần thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52 bản đồ địa chính xã X. Do đó, ngày 18/01/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 130, với nội dung: Bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông C, vì không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang tranh chấp nêu trên là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Ông C không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất đối với 8 thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199 tờ bản đồ số 52 có tổng diện tích 3.096m² tại khu vực H, thôn T, xã X, đang tranh chấp với ông Lê Nhật D và thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52 xã X, đang tranh chấp với bà Lê Thị Ngọc N, là do gia đình ông khai

hoang từ năm 1994. Theo các tài liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, ông Dũng có tên trong Sổ dã ngoại. Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa về việc thu đất của ông Chín không liên quan đến các thửa đất đang tranh chấp.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Chín, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Người kháng cáo ông Cao Đức C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xử theo luật định; theo khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, phiên tòa phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Các thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199 tờ bản đồ số 52 có tổng diện tích 3.096m² tại khu vực H, thôn T, xã X, thị xã N, Khánh Hòa trước đây là đất hoang hóa, đất xấu, sỏi đá, cây thưa, không nguyên vùng, nguyên thửa. Tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1994, không thể hiện cụ thể số thửa, diện tích, loại đất cũng như người sử dụng. Theo hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã, các thửa đất này không có hộ gia đình, cá nhân nào kê khai đăng ký. Sau khi có bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2011, diện tích đất nêu trên được kê khai đăng ký mang tên ông Lê N (thôn Đ 1, xã N), chỉ mới kê khai đăng ký và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các thửa: 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199, với tổng diện tích: 3.096m², loại đất LUK (lúa một vụ) , tờ bản đồ số 52 xã X đo đạc năm 2011. Vào thời điểm tranh chấp ông Lê Nhật D là người đang sử dụng đất.

[3] Lời khai của hai người làm chứng ông Từ Hoài D và ông Phạm M chưa đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất cho ông Chín, vì khai hoang phải gắn liền với quá trình sử dụng đất liên tục và kê khai đăng ký theo qui định của pháp luật về đất đai. Do đó, ông C cho rằng ông có quyền sử dụng 8 thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199 nói trên với lý do gia đình khai hoang từ năm 1994 là không đủ căn cứ.

[4] Đối với thửa đất tranh chấp với bà Lê Thị Ngọc N: Theo bản đồ địa chính năm 1994 là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 72, diện tích 22.672m², loại đất Hg do ông Lê Nhật D kê khai tại Sổ dã ngoại xã X; trên thực tế ông D không quản lý, sử dụng thửa đất; hiện là thửa đất số 218, tờ bản đồ số 52 xã X, với diện tích 17.848m² do bà Lê Thị Ngọc N (em của ông Lê Nhật D) kê khai, sử dụng.

[5] Xét ông Cao Đức C không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất, không trực tiếp sử dụng đất; các thửa đất số 162, 167, 168, 179, 180, 197, 198, 199,

tờ bản đồ số 52 do ông Lê Nhật D đang trực tiếp sử dụng; thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72 nay là thửa 218, tờ bản đồ số 52 do bà Lê Thị Ngọc N đang trực tiếp sử dụng. Theo biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 7/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã X thể hiện: Ông Cao Đức C trồng keo năm 2009 trên phần đất tranh chấp sau thời điểm bà Lê Thị Ngọc N có đơn đề ngày 8/6/2009 tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Chín. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 không chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai của ông Cao Đức C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Cao Đức C là có cơ sở. Kháng cáo của ông Cao Đức C không có căn cứ chấp nhận.

[7] Ông Cao Đức C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 91 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Đức C.

2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Cao Đức C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự